TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2026.
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hùng Phong.

Ông Ngô Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Đức Bình, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Ngọc Y, sinh ngày 15/10/1989 (có đơn xin vắng).

Số căn cước:

Nơi ĐKTT: Khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ liên lạc: ấp 9, xã M, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Thái Minh L, sinh ngày 01/01/1987 (vắng mặt).

Số căn cước:

Địa chỉ: Khu vực M, phường M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Y trình bày: Bà và ông Thái Minh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường M, thành phố Cần Thơ) vào ngày 24/10/2011, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng có 02 người con chung tên Thái Minh P, sinh ngày 26/4/2012 và Thái Minh T, sinh ngày 30/8/2021. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, trước đây giữa bà và ông L có khoảng thời gian ly thân 04 năm, đến khi con trai lớn được 10 tuổi mới đoàn tụ lại

và có thêm con thứ hai sinh năm 2021. Ban đầu nghĩ con nhỏ, đoàn tụ để con có gia đình hoàn chỉnh nhưng từ khi quay lại bà luôn chịu đựng do ông L thường xuyên chửi bới, xúc phạm danh dự của bà và vì con bà cố chịu đựng. Tuy nhiên cuộc sống chung ngày càng nặng nề, không chỉ dừng ở việc chửi bới, xúc phạm mà còn bị đe dọa đánh, giết nên bà không thể chịu đựng thêm đã đưa con rời đi đến nay được gần một năm và trong thời gian này ông L không có hỗ trợ chi phí nuôi con, không thăm mon con chung.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Thái Minh L.

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Bị đơn ông Thái Minh L vắng mặt, quá trình giải quyết không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, thì thấy bà Y yêu cầu ly hôn và Tòa án đã thông báo cho ông L biết việc bà Y yêu cầu ly hôn nhưng ông L không có ý kiến, không đến tham gia phiên hòa giải chứng minh hôn nhân của hai người không thể hàn gắn. Vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Y được ly hôn với ông L. Đối với con chung Thái Minh P, Thái Minh T đang sống với bà Y và cháu Phú có nguyện vọng sống với mẹ là phù hợp yêu cầu của bà Y nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng. Các vấn đề về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí buộc bà Y phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Y khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại phường M, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự đến phiên tòa lần thứ hai và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà Y và ông Thái Minh L tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND phường M, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, bà Y có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa

án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên giữa bà Y và ông L không còn sống chung với nhau, đồng thời ông L đã được thông báo về việc bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, được triệu tập hòa giải nhưng ông L không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đã cho thấy quan hệ giữa bà Y và ông L đã trầm trọng không thể hàn gắn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Y được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Bà Y và ông Thái Minh L có hai người con chung tên Thái Minh P, sinh ngày 26/4/2012 và Thái Minh T, sinh ngày 30/8/2021 đang sống với bà Y. Xét thấy ông L không có ý kiến về việc nuôi con chung, trong khi đó các con đang sống với bà Y và cháu Phú có nguyện vọng sống với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà Y được nuôi dưỡng hai người con chung. Ông L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Thái Minh L.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Ngọc Y được nuôi dưỡng hai người con chung tên Thái Minh P, sinh ngày 26/4/2012 và Thái Minh T, sinh ngày 30/8/2021 đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Thái Minh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Bà Trần Thị Ngọc Y phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Trần Thị Ngọc

Y đã nộp xong án phí theo biên lai thu số 0009505 ngày 12/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Mỹ Quới, thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai